TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 08-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trung;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1); địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ liên hệ: Số A, Đường C, khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Hoàng Khả T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A, khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Đinh Thị Kim A trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty Cổ Phần S Có Ngay (viết tắt là Công ty) đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản.

Vào ngày 24/01/2024, bà Đỗ Hoàng Khả T có tới Chi nhánh T2 - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản số T2M240101008NA19X và đã nhận 13.506.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 24 tháng, từ ngày 24/01/2024 đến ngày 24/01/2026, lãi suất cầm cố là 1,1% một tháng và phí Quản lý hồ sơ 0,5% một tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng cầm cố, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Chi nhánh T2 - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Khoản 3 Điều 314 bộ luật Dân sự 2015 "Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công cụ tài sản cầm cố và hương hoa lợi, lợi tức từ tài sản cẩm có nếu có thỏa thuận".

Do bà T có nhu cầu sử dụng xe nên có thỏa thuận mượn lại xe trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 24/01/2024 đến hết ngày 24/02/2024 bà T sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty tại Chi nhánh T2 - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Bị đơn đã có cam kết rõ trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số T2M240101008NA19X ký ngày 24/01/2024, bà Đỗ Hoàng Khả T đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA VISION FI mang biển số 70B1-874.35. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1534194974. Bắt đầu từ kỳ của ngày 24/02/2024 đến nay, bà Đỗ Hoàng Khả T đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Dù là đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng bà Đỗ Hoàng Khả T vẫn không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích của Công ty.

Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, bà T đã thanh toán cho công ty cổ phần S Có Ngay tổng tiền là 1.400.000 đồng. Trong đó gồm có 148.566

đồng lãi trong hạn; 518.884 đồng lãi quá hạn; 67.530 đồng Phí Quản lý hồ sơ 0,5%; cuối cùng là 675.300 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà Đỗ Hoàng Khả T phải trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 07/7/2025 tổng cộng 19.533.824 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 13.506.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.425.738 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 3.706.722 đồng, phí quản lý hồ sơ là 895.364 đồng. Công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

- Bà Đỗ Hoàng Khả T còn phải tiếp tục chịu lãi và các chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ.

- Trường hợp bà Đỗ Hoàng Khả T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA VISION FI mang biển số 70B1-874.35 để thu hồi khoản nợ cho Công ty. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì bà Đỗ Hoàng Khả T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

- Bà Đỗ Hoàng Khả T sẽ phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 310, 311, 314 Bộ luật dân sự, Nghị Quyết số 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần S Có Ngay, buộc bà Đỗ Hoàng Khả T trả số tiền trả số tiền nợ gốc là 13.506.000 đồng, tiền Lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế, tiền Lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là, phí Quản lý hồ sơ 0,5% trên dư nợ thực tế phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ khi vi phạm đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà Đỗ Hoàng Khả T không thực hiện hoặc thực

hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý tài sản cầm cố theo quy định.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với nguyên đơn nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh) nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Kim A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đỗ Hoàng Khả T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng thủ tục theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Đỗ Hoàng Khả T, thấy rằng:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy mượn xe ngày 24/01/2024 giữa bà Đỗ Hoàng Khả T và Công ty TNHH S1; Hợp đồng cầm cố số T2M240101008NA19X ngày 24/01/2024 giữa bà Đỗ Hoàng Khả T và Công ty TNHH S1; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 24/01/2024 giữa bà Đỗ Hoàng Khả T và Công ty TNHH S1, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Ngày 24/01/2024, giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và bà T có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản theo đó: Bà T giao tài sản cầm cố là xe mô tô có nhãn hiệu HONDA VISION FI có biển kiểm soát số 70B1-874.35 cho Công

ty Cổ phần S (Có giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 064303 do Công an T3 cấp ngày 24/8/2019 cho bà Đỗ Hoàng Khả T), thời hạn cầm cố là 24 tháng, từ ngày 24/01/2024 đến ngày 24/01/2026 và bà T nhận số tiền 13.506.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn) với số tiền 682.131,89 đồng vào ngày 24 hàng tháng từ tháng 02/2024 đến tháng 01/2026. Việc ký kết hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán cho công ty cổ phần S Có Ngay tổng tiền là 1.400.000 đồng. Trong đó gồm có 148.566 đồng lãi trong hạn; 518.884 đồng lãi quá hạn; 67.530 đồng Phí Quản lý hồ sơ 0,5%; cuối cùng là 675.300 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe và bắt đầu từ kỳ của ngày 24/02/2024 đến nay, bà Đỗ Hoàng Khả T đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Đỗ Hoàng Khả T phải trả số tiền nợ gốc còn lại 13.506.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Xét số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Tại Hợp đồng cầm cố số T2M240101008NA19X ngày 24/01/2024 quy định mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định "Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác". Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty Cổ phần S Có Ngay và bà Đỗ Hoàng Khả T tại hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu tiền nợ lãi trong hạn là 1.425.738 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 3.706.722 đồng tính đến 07/7/2025 và yêu cầu bà T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Hợp đồng cầm cố số T2M240101008NA19X ngày 24/01/2024 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội - Cục Đ; do đó trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION FI có biển kiểm soát số 70B1-874.35 để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp Điều 299, Điều 303 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Hoàng Khả T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 19.533.824 đồng = 976.691 đồng (làm tròn 977.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 530.000 đồng theo Biên lai thu số 0003957 ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, 280, 299, 303, 309, 311, 312, 314, 315, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Đỗ Hoàng Khả T về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".

Buộc bà Đỗ Hoàng Khả T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ là 19.533.824 đồng (Mười chín triệu năm trăm năm mươi ba nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 13.506.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 1.425.738 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng), tiền nợ lãi quá hạn 3.706.722 đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng), phí quản lý hồ sơ là 895.364 đồng (T1 trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bà Đỗ Hoàng Khả T trả hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho bà Đỗ Hoàng Khả T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 064303 do Công an T3 cấp ngày 24/8/2019 cho bà Đỗ Hoàng Khả T.

2. Về xử lý tài sản cầm cố:

Trường hợp bà Đỗ Hoàng Khả T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA VISION FI có biển kiểm soát số 70B1-874.35 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 064303 do Công an T3 cấp ngày 24/8/2019 cho bà Đỗ Hoàng Khả T để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì bà Đỗ Hoàng Khả T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Đỗ Hoàng Khả T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 977.000 đồng đồng (Chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 530.000 đồng (Năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003957 ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.